Chi tiết mã HS 3923.10.10

Mã HS	3923.10.10
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Hộp, hòm, thùng thưa và các loại tương tự: / - - Hộp đựng phim, băng từ và đĩa quang
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 12:08:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39231010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6174
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6174
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6174
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, ID, MY, MM)	0% (trừ KH, ID, MY, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, ID, PH)	0% (trừ KH, ID, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5987
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5948
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5948
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5948
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5948
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5948
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5948
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E5992
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5992
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5992

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5992
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5992
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5992
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5990
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5990
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5990
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5990
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5990
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5990
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5998
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5954
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5950
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5950
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5950
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5950
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5950
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5950
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5974
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5974
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5974
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5974
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5974
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5974
VCFTA	2022	2022	3	VC!D6016
VCFTA	2023	2023	1	VC!E6016
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6016

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6016
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6016
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6016
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6001
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6001
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6001
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6001
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6001
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6001
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6004
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6004
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6004
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6004
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6004
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6004
EVFTA	2022	2022	3	EV-NK!D5989
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5989
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5989
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5989
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5989
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5989
UKVFTA	2022	2022	3	UKV!D5991
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5991
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5991
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5991
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5991

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5991
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5973
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5973
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5973
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5973
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5973
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5973
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5973
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5994
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5994
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5994
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5994
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5994
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5994
RCEP B	2022	2022	0	B!D5994
RCEP B	2023	2023	0	B!E5994
RCEP B	2024	2024	0	B!F5994
RCEP B	2025	2025	0	B!G5994
RCEP B	2026	2026	0	B!H5994
RCEP B	2027	2027	0	B!I5994
RCEP C	2022	2022	0	C!D5994
RCEP C	2023	2023	0	C!E5994
RCEP C	2024	2024	0	C!F5994
RCEP C	2025	2025	0	C!G5994
RCEP C	2026	2026	0	C!H5994
RCEP C	2027	2027	0	C!I5994

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D5994
RCEP D	2023	2023	0	D!E5994
RCEP D	2024	2024	0	D!F5994
RCEP D	2025	2025	0	D!G5994
RCEP D	2026	2026	0	D!H5994
RCEP D	2027	2027	0	D!I5994
RCEP E	2022	2022	0	E!D5997
RCEP E	2023	2023	0	E!E5997
RCEP E	2024	2024	0	E!F5997
RCEP E	2025	2025	0	E!G5997
RCEP E	2026	2026	0	E!H5997
RCEP E	2027	2027	0	E!I5997
RCEP F	2022	2022	0	F!D5994
RCEP F	2023	2023	0	F!E5994
RCEP F	2024	2024	0	F!F5994
RCEP F	2025	2025	0	F!G5994
RCEP F	2026	2026	0	F!H5994
RCEP F	2027	2027	0	F!I5994
VIFTA	2024	2024	10,3	VI!F5540
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G5540
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H5540
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I5540

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3923.10 có 3 dòng thuế; dòng 3923.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hộp đựng phim, băng từ và đĩa quang.	3923.10.20 Loại khác, có hình dạng đặc biệt hoặc thích hợp để vận chuyển hoặc đóng gói các tấm bán dẫn mỏng, màn hoặc lưới quang (SEN); 3923.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3923.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 3923.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6174), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.